

Nội dung bài viết

1. [Bài văn mẫu 1: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc hay](#)
2. [Bài văn hay 2: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc](#)
3. [Bài văn mẫu 3: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc hay nhất](#)
4. [Bài văn hay 4: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc](#)
5. [Bài văn mẫu 5: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc hay nhất](#)

Bài văn mẫu 1: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc hay

Tố Hữu là một trong những nhà thơ lớn của dân tộc. Ông là một tượng đài về thể thơ lục bát. Nhắc tới ông, người đọc liền nghĩ ngay tới “Việt Bắc” - một bản tình ca dạt dào cảm xúc để lại trong lòng người đọc một cảm xúc khó diễn tả được. Mỗi câu thơ như vẽ ra một khung cảnh rất đời bình dị của quê hương, đất nước, con người mà nơi ấy ân nghĩa, sự thủy chung như làm điểm nhấn nổi bật trên tất cả. Bài thơ “Việt Bắc” cũng thể hiện tính dân tộc sâu sắc.

“Việt Bắc” được sáng tác vào tháng 10/1954, ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vừa kết thúc thắng lợi, các cơ quan trung ương của Đảng và Chính phủ từ Việt Bắc về lại thủ đô Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu để về xuôi. Bài thơ được viết trong buổi chia tay lưu luyến đó.

Tính dân tộc được thể hiện ở hai phương diện, nội dung và hình thức. Trước hết về mặt nội dung bài thơ thể hiện ở những khía cạnh sau, hình ảnh chiếc “áo chàm” rất đời giản dị, tự nhiên:

“Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”

“Áo chàm” là hình ảnh hoán dụ cho người dân Việt Bắc anh hùng nhưng chân thực. Câu thơ như đang ca ngợi tình người của con người Việt Nam. Từ những con người xa lạ không quen biết, chiến tranh đã kéo đẩy họ lại gần với nhau để giờ đây kỉ niệm tưởng chừng ngăn ngủi như lại dài đằng đẵng ấy vô thức còn đọng lại trong tâm trí của họ. Bài thơ là cuộc đối thoại “mình - ta” vừa ngọt ngào, vừa sâu lắng:

"Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?”

Khoảng thời gian 15 năm xảy ra biết bao nhiêu biến cố, thăng trầm của lịch sử để cho tình nghĩa giữa chiến sĩ và người dân Việt Bắc ngày một gắn bó keo sơn.

Bên cạnh đó, hình ảnh chiến sĩ cách mạng hiện lên cũng rất chân thực, mang đậm tính dân tộc. Trong giờ phút chia ly, họ bịn rịn không nở rời xa:

“Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”

Chỉ một cái “cầm tay” nhưng sao khó nói nên lời tới vậy. Cầm tay như truyền thêm cả sức mạnh, cả hơi ấm của người ở lại cho người ra đi. Họ một lòng một dạ thủy chung son sắt:

“Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh

Mình đi, mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu”

Hình ảnh “mình” lặp đi lặp lại mang dụng ý của tác giả. Người chiến sĩ và người dân Việt Bắc họ như hòa quyện lại làm một không phân biệt rạch ròi được. Ân nghĩa sâu nặng giữa họ không thể đong đếm. Rời xa Việt Bắc người chiến sĩ mang trong mình bao nỗi nhớ, nhớ về thiên nhiên hùng vĩ, nhớ về tình người Việt Bắc. Tuy nhiên họ vẫn giữ tinh thần lạc quan, yêu đời.

Song song với hình ảnh con người, hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ Việt Bắc cũng hiện lên cũng mang đậm tính dân tộc. Bức tranh tứ bình đã được ngòi bút của Tố Hữu tô vẽ thêm thắt một cách sinh động và hấp dẫn, lôi cuốn:

“Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình

Rừng thu trăng rọi hòa bình

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”

Con người và thiên nhiên như hòa quyện lại với nhau. Thiên nhiên làm nền cho sự xuất hiện của con người. Nếu như câu lục là thiên nhiên thì câu bát là sự xuất hiện của con người. Tưởng chừng như hai hình ảnh này không liên quan đến nhau nhưng không phải như vậy. Mà con người tô điểm cho thiên nhiên thêm đẹp, thêm rực rỡ hơn. Con người xua đi cái lạnh giá của thiên nhiên, hòa mình vào với thiên nhiên để làm những công việc thường ngày nhưng hết sức đẹp đẽ, nên thơ.

Việt Bắc trong thơ Tố Hữu còn hiện lên với những địa danh lịch sử hào hùng, tráng lệ: Tân Trào, Hồng Thái, Ngòi Thia sông Đáy, sông Lô, Núi Hồng....

Có thể thấy, cảnh và người trong bài thơ Việt Bắc hiện lên rất thân thương giản dị mà giàu tình người, đậm đà tính dân tộc sâu sắc.

Tính dân tộc thể hiện sâu sắc nhất ở mặt hình thức. Một là, thể thơ lục bát truyền thống với kết cấu lời đối đáp của đôi trai gái, giữa kẻ ở lại và người về xuôi. Lục bát là thể thơ dân tộc nó đã quá quen thuộc với mỗi người dân Việt Nam. Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng ngôi xưng “mình-ta” để bộc lộ hết tâm tư tình cảm của mình:

“Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?”

Tính dân tộc còn được thể hiện ở phương diện ngôn ngữ, nhạc điệu: Ngôn ngữ vừa giản dị, gần gũi với đời thường lại dễ thuộc, dễ nhớ kết hợp với nhạc điệu uyển chuyển, nhẹ nhàng có lúc thủ thỉ, tâm tình, lúc thì đầm thắm ngọt ngào mà lúc lại ngọt ngào êm dịu.

“Mình đi, có nhớ những ngày

Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù

Mình về, có nhớ chiến khu

Miếng cơm chấm muối, môi thù nặng vai?

Mình về, rừng núi nhớ ai

Trám bùi để rụng, măng mai để già”

Ngoài ra, hình ảnh thơ cũng thấm nhuần tính dân tộc. Ta từng bắt gặp nhiều hình ảnh giản dị trong thơ của các nhà thơ khác nhưng với thơ Tố Hữu ta lại thấy nó rất tự nhiên, thoải mái lại rất tinh tế: Hình ảnh “trám bùi”, “măng mai”. “trăng”, “nắng”, “bản” gần gũi biết bao!!

Tóm lại, bài thơ “Việt Bắc” - đỉnh cao của văn học Việt Nam và cũng là bài thơ đề đời của Tố Hữu. “Việt Bắc” là khúc ca về thiên nhiên, con người Việt Bắc, là tiếng hát ân nghĩa thủy chung son sắt của người cách mạng với người dân Việt Bắc, là tình yêu, tình thương của Tố Hữu dành cho Việt Bắc. Bằng ngôn ngữ giản dị, gắn liền với đời thường kết hợp với thủ pháp nghệ thuật như lập từ, hoán dụ đã lột tả được nỗi nhớ da diết của tác giả với mảnh đất đầy kí ức và kỉ niệm. Song song với đó, thể thơ lục bát kết hợp một cách nhuần nhuyễn đã đưa đầy cảm xúc của Tố Hữu lên đỉnh cao để có thể sáng tác ra được một bài thơ tuyệt vời đến như vậy. Và “Việt Bắc” là một bài thơ thể hiện đậm đà tính dân tộc.



Bài văn hay 2: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc

Bài thơ Việt Bắc là đỉnh cao của thơ Tố Hữu và cũng là một thành tựu quan trọng của thơ ca kháng chiến chống Pháp. Bài thơ được Tố Hữu sáng tác vào tháng 10 năm 1954 nhân một sự kiện lịch sử: Trung ương Đảng và chính phủ rời chiến khu về thủ đô Hà Nội. Từ điểm xuất phát ấy bài thơ thể hiện tình gắn bó thắm thiết giữa người ra đi và người ở lại, giữa miền xuôi và miền ngược, giữa người cán bộ với Việt Bắc quê hương của cách mạng, với đất nước và nhân dân, với Đảng và Bác Hồ, với cuộc kháng chiến đã thành kỉ niệm sâu nặng trong tâm hồn.

Như thế nghĩa là trong niềm vui thắng lợi và đón nhận cuộc sống thanh bình nhà thơ vẫn không quên tình nghĩa gắn bó trong những năm gian khổ đã qua và coi đây là cội nguồn sức mạnh tinh thần to lớn cho những ngày hiện tại và tương lai. Có thể nói, bài thơ Việt Bắc là khúc tình ca và cũng là khúc hùng ca mà cội nguồn sâu xa của nó là tình cảm quê hương đất nước, là truyền thống ân nghĩa, đạo lý thủy chung của dân tộc.

Trước hết với kiểu kết cấu đối đáp rất đậm đà tình nghĩa của bài thơ Việt Bắc là tình yêu với thiên nhiên đất nước được biểu hiện cụ thể qua sự gắn bó với núi rừng Việt Bắc trong nỗi nhớ của người cán bộ sắp về xuôi. Cảnh Việt Bắc hiện ra những vẻ đẹp hiện thực và thơ mộng, thi vị gợi rõ nét độc đáo của Việt Bắc so với nhiều miền quê khác của đất nước. Việt Bắc đó là hình ảnh: "Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương", hình ảnh bản làng mờ trong sương sớm, những bếp lửa hồng trong đêm khuya, là những "rừng nứa bờ tre, sông Đáy" là tiếng mõ trâu về trong rừng chiều, tiếng "Chày đêm nện cối đều đều suối xa".

Nhưng có lẽ nổi bật nhất là nỗi nhớ của Tố Hữu về Việt Bắc là sự hòa quyện với người, là ấn tượng không thể phai mờ về những người dân Việt Bắc cần cù trong lao động, thủy chung trong nghĩa tình:

Ta về mình có nhớ ta

...

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Qua đó có thể thấy thiên nhiên Việt Bắc hiện ra với những vẻ đẹp phong phú, đa dạng, thay đổi theo thời tiết, từng mùa. Gắn với cảnh tượng ấy là con người giản dị, người đi làm nương rẫy, người đan nón, người hái măng. Bằng những việc làm tưởng chừng nhỏ bé của mình họ đã góp phần tạo ra sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến. Chính tình nghĩa gắn bó và san sẻ cùng nhau chịu đựng gian khổ thiếu thốn, cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề, khó khăn giữa nhân dân với bộ đội và cán bộ tất cả cùng làm cho hình ảnh Việt Bắc sáng ngời trong hồi tưởng của nhà thơ. Việt Bắc - đó là

hình ảnh những mái nhà "Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son", hình ảnh người mẹ "Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô", là những ngày tháng đùng cam cộng khổ:

Thương nhau chia củ sắn lùi

Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng

Có thể nói âm hưởng trữ tình vang vọng suốt bài thơ tạo nên khúc ca ngọt ngào, đắm thắm của tình yêu đùng chí với đùng bào, của tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước, yêu đời.

Theo dòng hồi tưởng của Tố Hữu bài thơ dẫn ta vào khung cảnh Việt Bắc chiến đấu với những hình ảnh hào hùng, những hoạt động sôi nổi, những âm thanh náo nức, phấn chấn. Ở đây bài thơ tràn đầy âm hưởng anh hùng ca mang dáng vẻ sử thi hiện đại bởi vì chỉ cần miêu tả khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc, Tố Hữu đã nêu bật khí thế chiến đấu vô cùng mạnh mẽ của dân tộc.

Những đường Việt Bắc của ta

Đêm đêm râm rập như là đất rung

Quân đi điệp điệp trùng trùng

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan

Dân công đổ đốc từng đoàn

Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.

Dân tộc ấy đã vượt qua bao gian khổ hi sinh để lập nên những kì tích, những chiến công, đèo Giàng, sông Lô, phố Ràng, Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên. Nhưng Tố Hữu không thể miêu tả diễn biến của cuộc kháng chiến mà chỉ còn đi sâu vào lý giải những cội nguồn sức mạnh đã dẫn tới chiến thắng. Đó là sức mạnh của lòng căm thù: Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai, sức mạnh tình nghĩa thủy chung: "Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi" nhất là sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, của sự hòa quyện gắn bó giữa con người với thiên nhiên. Tất cả tạo thành hình ảnh "đất nước đứng lên".

Nhớ khi giặc đến giặc lùng

Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây

Núi giăng thành lũy sắt dày

Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù

Mênh mông bốn mặt sương mù

Đất trời ta cả chiến khu một lòng.

Đặc biệt bằng những lời thơ trang trọng mà tha thiết Tố Hữu đã đi sâu nhấn mạnh, hình ảnh và vai trò của Việt Bắc như là quê hương của cách mạng, căn cứ vững chắc của cuộc kháng chiến. Trong những năm đen tối trước cách mạng, hình ảnh Việt Bắc hiện dần từ mờ xa "mưa ngùn ngụt tuổi già, những mây cùng mù" cho đến xác định như chiến khu kiên cường nơi nuôi dưỡng bao sức mạnh đấu tranh, nơi sản sinh nhiều địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc.

Mình về có nhớ núi non

Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh

Mình đi mình có nhớ mình

Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa.

Trong những năm tháng kháng chiến gian lao Việt Bắc là nơi có "cụ Hồ soi sáng", có Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công để kiên định niềm tin yêu của cả nước đối với Việt Bắc, Tố Hữu lại dùng những câu thơ mang sắc thái ca dao dạt dào những âm hưởng nghĩa tình của hồn thơ dân tộc.

Ở đâu đau đớn giống nòi

Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền

Mười lăm năm ấy ai quên

Quê hương cách mạng dựng nên cộng hòa.

Từ tình cảm yêu mến, gắn bó với cảnh và người Việt Bắc từ niềm tin tưởng vững chắc vào sức mạnh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, Tố Hữu vẽ ra viễn cảnh tươi đẹp của Việt Bắc ngày mai trong khung cảnh xây dựng cuộc sống mới hòa bình, phồn vinh.

Ngày mai rộn rã sơn khê

Ngược xuôi tàu chạy, bốn bề lưới giăng

Than Phấn Mễ, thiếc Cao Bằng

Phố phường như nấm như măng giữa trời.

Những hình ảnh ấy là mơ ước, khát vọng và cũng là tình nghĩa mà những người cán bộ kháng chiến muốn đền đáp nơi từng là cội ngu ồn của cách mạng, nơi đã cứu mạng, che chở họ trong những ngày đầy gian nan hi sinh.

Đặc biệt ở những dòng cuối cùng của bài thơ người đọc càng hiểu sâu thêm sự sắc sảo, nhạy bén của bài thơ Tố Hữu khi hướng về ngày mai, nhà thơ không quên, một nét đẹp trong đạo lý truyền thống của dân tộc đó là tình nghĩa thủy chung, có mới mà không nói cũ, luôn nghĩ đến nhau và vì nhau giữa miền xuôi và miền ngược, giữa cán bộ và nhân dân của mình.

Mình về thành thị xa xôi

Nhà cao còn thấy núi đôi nữa chăng?

Phố đông còn nhớ bản làng

Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?

Có thể coi đây là lời cảnh báo về sự tha hoá khi có sự thay đổi môi trường, khi người ta có thể quên đi tất cả tình nghĩa năm xưa để chỉ nghĩ đến mình và vì mình. Cho đến hôm nay những lời thơ ấy của Tố Hữu vẫn giữ nguyên ý nghĩa thời sự chứ không hề cũ xưa.

Tính dân tộc là đặc điểm nổi bật ở Việt Bắc. Chính đặc điểm này đã tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ. Tính dân tộc của bài thơ đã giúp nhà thơ chuyển tải được tư tưởng hiện đại, tiên tiến. Đây là một tác phẩm thành công nhất của Tố Hữu, một tác phẩm đã ngợi ca những ngày hào hùng vẻ vang của dân tộc, những ngày mà toàn dân nô nức ra trận, những ngày mà mảnh đất Việt Bắc in dấu bao thời khắc, chiến công hào hùng, tươi đẹp của dân tộc. Tất cả đều được tái hiện trong một hình thức đặc biệt phù hợp mà Tố Hữu đã lựa chọn và sử dụng. Rõ ràng, bài thơ Việt Bắc đã mang tinh thần và tư tưởng của thời đại nhưng người ta có thể ngân ngợi như những bài ca dao.

Bài văn mẫu 3: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc hay nhất

Tố Hữu (1920 - 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành, sinh ra ở Thừa Thiên Huế. Ông là đại biểu xuất sắc của thơ ca cách mạng và kháng chiến.

Cuối năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta thắng lợi. Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về thủ đô Hà Nội sau chín năm kháng chiến gian khổ, trường kì. Tố Hữu đã viết bài thơ Việt Bắc để ghi lại tình cảm và mối quan hệ gắn bó khăng khít, nghĩa tình sâu nặng giữa nhân dân Việt Bắc với cán bộ và chiến sĩ cách mạng. Cũng như và hơn hẳn nhiều bài thơ khác, bài thơ Việt Bắc

mang tính dân tộc rất sâu đậm. Qua đoạn trích học trong SGK Ngữ văn 12, ta sẽ thấy được đi đầu đó.

Tính dân tộc chính là tất cả những đặc điểm thuần Việt, gần gũi với tâm hồn người Việt Nam. Ở bài thơ này, tính dân tộc biểu hiện trên nhiều phương diện như: kết cấu, hình ảnh, thể thơ, giọng điệu.

Tính dân tộc của bài thơ Việt Bắc thể hiện trước hết ở kết cấu đối đáp kiểu ca dao giao duyên.

Rất nhiều bài ca dao xưa thường dùng kiểu đối đáp để diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình:

Mình nói với ai mình hãy còn son

Ta đi qua ngõ, thấy con mình bò

Mình nói với ta mình chưa có chồng

Ta đi qua ngõ mình bỗng con ra

Kiểu kết cấu đối đáp trong ca dao giao duyên là một kiểu kết cấu độc đáo để nhân vật trữ tình có thể vừa kể lể sự việc bộc lộ cảm xúc, thể hiện thái độ tình cảm với “đối phương” hoặc đối tượng được nói tới. Đây cũng là kiểu kết cấu tạo ra những khả năng vô hạn cho nhân vật trữ tình một “diện mạo” như ý muốn.

Tố Hữu đã vận dụng kiểu kết cấu tuyệt vời ấy trong một bài thơ mà mục đích của nó không phải để nói tới tình yêu của chàng - nàng, anh - em mà là một bài thơ ngợi ca mối quan hệ khăng khít gắn bó giữa chính phủ cách mạng và quê hương cách mạng với nhân dân Việt Bắc.

Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng?

Ta về mình có nhớ ta

Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

Ở đây 2 chữ “mình - ta” biến hóa chỉ là sự phân đôi của một chủ thể. Cái “tôi” trữ tình của nhà thơ tự tách mình ra, một phần tâm hồn đã “thấm đất Việt Bắc” đang tâm tình với người cán bộ về xuôi. Nhân vật trữ tình đã bộc lộ tâm trạng nhớ thương, tình cảm ân nghĩa thủy chung giữa cán bộ cách mạng và mảnh đất Việt Bắc. Mình - ta cùng nhớ về những ngày tháng đong cam cộng khổ: “Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”,

nhớ những ngày tháng reo ca lớp học i tờ; nhớ những ngày liên hoan ngân núi rừng; nhớ những tiếng mõ rừng chi ầu, nhớ tiếng chày đêm nện cối, nhớ người mẹ nắng cháy lưng, cô em gái hái măng một mình, nhớ người đan nón, nhớ những đuốc sáng từng đoàn quân điệp điệp trùng trùng tiến bước nhau ra trận địa. Các tiếng mình - ta, các tiếng gọi, hỏi, đáp cứ liên tiếp, xoắn xuýt lấy nhau, gối lên nhau, liên tiếp như những đợt sóng cảm xúc không ngừng nghỉ.

Mình về mình có nhớ không

Mình đi có nhớ những ngày

Mình về có nhớ chiến khu

Mình về, rừng núi nhớ ai

Mình đi, có nhớ những nhà

“Mình - ta” điệp khúc đan xen tạo ra âm hưởng từ những đợt sóng hoài niệm, những vùng kí ức tươi đẹp về sống động như vừa mới diễn ra. Tất cả tỉ mỉ, cụ thể tới mức người đọc có thể hình dung và tái hiện từng đường nét, dáng vẻ của mảnh đất Việt Bắc và con người nơi đây.

Kiểu kết cấu đối đáp mình - ta được Tố Hữu vận dụng một cách độc đáo, sáng tạo. Nó tạo nên giọng điệu tâm tình ru vỗ lúc như thủ thủ, tâm tình, lúc lắng sâu vào nỗi nhớ, niềm thương, lúc trào dâng như những đợt sóng cảm xúc ào ạt, dạt dào. Sử dụng kiểu đối đáp trong ca dao, người đọc cứ tự nhiên bước vào tác phẩm mà không bị vướng cản bởi câu chữ, ngôi từ. Giọng điệu ru vỗ tha thiết của bài thơ cứ tự nhiên khiến hồn người đọc hòa chung vào dòng cảm xúc của “mình-ta” lúc nào không hay.

Có thể nói, đối đáp đã trở thành một kiểu kết cấu mở, có khả năng bộc lộ, mời gọi cảm xúc hết lớp này đến lớp khác tưởng chừng như không có điểm dừng. Đây là kiểu kết cấu giúp cho nhân vật trữ tình có khoảng rộng để bộc lộ tâm trạng, cảm xúc của mình. Và với mỗi người Việt Nam luôn tìm thấy cho mối liên hệ rất gần gũi khi bắt gặp kiểu kết cấu đối đáp này khi thưởng thức bài thơ Việt Bắc như họ đã từng được nghe trong những bài ca dao, từ thuở xa xưa.

Tính dân tộc trong bài thơ Việt Bắc còn biểu hiện ở thể thơ lục bát và tiết tấu mềm mại, nhịp nhàng của câu thơ.

Thể thơ lục bát là thể thơ gắn bó với dân tộc Việt Nam, được người Việt Nam sử dụng phổ biến nhất. Thể thơ này thường có tác dụng đặc biệt khi diễn tả tình cảm tha thiết, những nỗi nhớ triền miên, dai dẳng, và khi bộc lộ nghĩa tình sâu nặng giữa các

đối tượng và chủ thể trữ tình. Bởi vậy, ta không hề ngạc nhiên khi ca dao, Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm đều rất thành công khi sử dụng thể thơ này.

Tố Hữu đã sử dụng thể thơ lục bát như một cách đặc địa, và đặc biệt thành công khi diễn tả nghĩa tình sâu sắc của cán bộ cách mạng với quê hương kháng chiến. Giả sử Tố Hữu dùng thể thơ ngũ ngôn, lục ngôn, hay thơ tám chữ trong bài thơ này thì chắc chắn cái vị ngọt ngào tình nghĩa của con người Việt Bắc, cái đắm thắm nhớ thương của những cán bộ cách mạng sẽ thật khó thể hiện.

Người đọc cảm nhận được nỗi xúc động, nghẹn ngào thực sự của “người đi - kẻ ở”:

“Ta với mình, mình với ta

Lòng ta xưa trước mặt mà đình ninh

Mình đi mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu”.

Những câu thơ lục bát khoa thai, nhịp nhàng đã có tác dụng đặc biệt trong việc khơi gợi cảm xúc của người đọc. Người đọc tự nhiên hòa nhịp cùng dòng tâm trạng của nhân vật trữ tình, sống với nó, cùng thồn thức với nó. Từ rừng nứa, bờ tre, mái đình, cây đa; từ hoa chuối, hoa mơ, Ngòi Thia, sông Đáy đến Phủ Thông, đèo Giàng, tất cả đã làm cho con người nhớ thương da diết. Những hình ảnh ấy đã ăn sâu vào tâm khảm, trở thành “cõi nhớ” trong lòng mỗi người, đã từng gắn bó với Việt Bắc.

Chính thể thơ lục bát đã quyết định giọng điệu, tiết tấu của bài thơ. Tiết tấu của mỗi câu thơ trong Việt Bắc viết nhịp nhàng, thường có nhịp 2/2/2; 3/3; 2/2/2/2; 4/4. Chẳng hạn:

“Ở đâu u ám quân thù (2/2/2)

Nhìn lên Việt Bắc cụ Hồ sáng soi (4/4)

Mình đi mình lại nhớ mình (2/2/2)

Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu (4/4)”

Nhịp thơ cũng chính là nhịp điệu cảm xúc, giúp cho những kỉ niệm được gợi dậy, vang ngân trong lòng người đi - kẻ ở và trong cả người thường thức. Những cặp lục bát bắt vần, thả nhịp đều đặn thiết tha. Cứ mỗi cặp lục bát lại điếm một nốt nhạc cảm xúc “có nhớ”. Những tiếng ấy lại liên hồi xô đuổi, dấn dập như những đợt sóng thương nhớ cồn cào:

*“Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”*

Việt Bắc hiện ra trong bức tranh toàn cảnh: con người nhiều dáng vẻ, không gian rộng lớn, thời gian bốn mùa được chất lọc, dãn nén nổi bật sắc thái núi rừng Việt Bắc. Một cặp lục bát vẽ một bức tranh “hoa cùng người”. Bốn cặp lục bát kết thành bộ tứ bình cân xứng cổ điển.

Bức tranh thiên nhiên được dệt bằng nỗi nhớ. Nỗi nhớ thấm đượm trên từng dáng người, từng màu hoa. Bức tranh được dệt bằng màu sắc của núi rừng tươi đẹp. Cảnh làm nền cho con người xuất hiện, bóng dáng con người lảng lẽ là điểm sáng sinh động trên các phong thiên nhiên tươi thắm, hữu tình. Hoa và người hòa quyện vào nhau làm cho cảnh thêm tươi sáng. Bức tranh mùa đông đặc trưng bởi hoa chuối đỏ tươi, giữa thẳm rừng trên đèo cao tỏa nắng, bóng dáng con người xuất hiện với nét riêng của vùng cao. Hình ảnh “dao gài thắt lưng” tô đậm một nét rất đặc trưng của người Việt Bắc. Bức tranh mùa xuân được dệt bằng thảm hoa mơ và dáng người đan nón mềm mại đang “chuốt từng sợi giang”. Bức tranh mùa hạ thêm long lanh bởi tiếng ve cùng hình ảnh lảng lẽ của “cô em gái hái măng một mình”. Và bức tranh mùa thu ấn tượng bởi ánh trăng thu hòa bình yên ả cùng tiếng hát ân tình thủy chung ngọt ngào. Chính thể thơ lục bát đã làm nên linh hồn bộ tranh tứ bình Việt Bắc. Nói sao cho hết những cảm xúc, nỗi nhớ niềm thương của con người được gửi gắm vào đó.

Bên cạnh đó, cấu trúc tiểu đối đồng loạt ở các câu hát đã tạo ra một bề trầm của âm hưởng thương nhớ trong lòng người đi, kẻ ở. Cấu tạo đối vừa tô đậm ý cho từng vế vừa mở ra ý ở ngoài lời. Những câu thơ cùng với tiết tấu của nó đã tạo ra ý nghĩa ở ngay khoảng trống giữa các từ, các câu hay giữa các đoạn thơ.

Có thể nói rằng, tính dân tộc là đặc điểm nổi bật ở Việt Bắc. Chính đặc điểm này đã tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ. Tính dân tộc của bài thơ đã giúp nhà thơ chuyển tải được tư tưởng hiện đại, tiên tiến. Đây là một tác phẩm thành công nhất của Tố Hữu,

một tác phẩm đã ngợi ca những ngày hào hùng vẻ vang của dân tộc, những ngày mà toàn dân nô nức ra trận, những ngày mà mảnh đất Việt Bắc in dấu bao thời khắc, chiến công hào hùng, tươi đẹp của dân tộc. Tất cả đều được tái hiện trong một hình thức đặc biệt phù hợp mà Tố Hữu đã lựa chọn và sử dụng. Rõ ràng, bài thơ Việt Bắc đã mang tinh thần và tư tưởng của thời đại nhưng người ta có thể ngân ngợi như những bài ca dao.

Bài văn hay 4: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc

"Từ cuộc sống hiện đại, thơ anh ngày càng bắt ngu ồn trở lại vào hồn thơ cổ điển của dân tộc" - Nguyễn Đình Thi đã nhận xét như thế về thơ Tố Hữu. Đọc thơ Tố Hữu, ta thấy nhận xét của Nguyễn Đình Thi thật đúng và cảm nhận được tính dân tộc đậm đà, thấy phảng phất trong "hồn thơ" của một thời quá khứ. Việt Bắc là một trong số rất nhiều bài thơ mang nét "cổ điển" như thế. Đọc Việt Bắc ta cảm nhận được sức mạnh của bản sắc dân tộc ấy.

Tính dân tộc trong thơ Tố Hữu, trước tiên thể hiện ở hình thức. Có lẽ Việt Bắc là bài thơ lục bát hay nhất của Tố Hữu, trong đó âm điệu lục bát đã nhuần nhuyễn, tinh diệu, đến mức mẫu mực:

Mình về rừng núi nhớ ai

Trám bùi để rụng, măng mai để già

Mình đi có nhớ những nhà

Hắt hiu lau xám đậm đà lòng son.

Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều

Chày đêm nện cối đều đều suối xa.

Nhớ gì như nhớ người yêu

Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương.

Những câu thơ lục bát ấy có thể xếp bên cạnh những câu ca dao dân gian, những câu lục bát cổ điển hay nhất của ta. Tiếng Việt trong những câu ấy thật bình dị mà đậm thắm, thật trong trẻo mà sâu lắng. Lời thơ quện thật chặt với những tiết tấu co duỗi mềm mại, cất lên như những nét nhạc, những giai điệu bằng ngôn từ.

Nhưng nói đến Việt Bắc có lẽ cái gây ấn tượng đậm nhất trong người đọc là cái cấu trúc độc đáo của nó. Tố Hữu đã tái hiện một bức tranh hoành tráng trải ra trong một

thời gian dài tới mười lăm năm (Nhớ khi kháng Nhật thuở còn Việt Minh) bao quát một không gian rộng, bao quát toàn bộ Việt Bắc (từ "Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào" đến "Nhớ từ Cao Lạng nhớ sang Nhị Hà"). Bài thơ muốn có xu hướng trở thành diễn ca lịch sử (kiểu như "Ba mươi năm đời ta có Đảng sau này!). Nhưng sở dĩ nó không là diễn ca hẳn, bởi vì thi sĩ đã tìm đến một kết cấu truyện thống của lối Hát giao duyên. Cả bài thơ dài như một cuộc hát đối đáp nam nữ. Tựa như những khúc trữ tình trong Giã bạn hay Tiễn dặn người yêu. Cả bài thơ dài chủ yếu là lời của hai nhân vật. Người ở lại rừng núi chiến khu là cô gái Việt Bắc, người về xuôi là anh cán bộ cách mạng. Tựa như "liền chị - liền anh" trong hát Quan họ. Cuộc chia tay lớn của cán bộ Đảng và Chính phủ kháng chiến với Việt Bắc được thu vào cuộc chia tay của một đôi trai gái. Nói khác hơn, tác giả đã chọn tình yêu của đôi trai gái làm một góc nhìn để bao quát toàn cảnh Việt Bắc, với "Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng". Chuyện chung đã hóa thành chuyện riêng, chuyện cách mạng của dân nước trở thành chuyện tình yêu của lứa đôi.

Một sự kiện chính trị đã chuyển hoá thành thơ ca theo cách tâm tình hoá chính là một đặc trưng của lối thơ trữ tình - chính trị của Tố Hữu. Việc "dời đô" (Việt Bắc là thủ đô kháng chiến - Tố Hữu gọi là "Thủ đô gió ngàn") đã thành câu chuyện ân tình chung thủy của người cách mạng với rừng núi chiến khu, với đồng bào, với quá khứ, với chính mình. Đôi trai gái xưng hô theo lối rất dân gian: Ta - mình. Nỗi băn khoăn lớn nhất của ta và mình trong cuộc chia tay giã bạn là ân tình - chung thủy:

Mình về thành thị xa xôi

Nhà cao còn nhớ núi đôi nữa chăng?

Phố cao còn nhớ bản làng

Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng

"Mình về mình có nhớ ta" đã là chuyện chung thủy! Nhưng "mình đi mình có nhớ mình" thì ân tình chung thủy đã được đẩy tới một mức thật sâu. Mình đi khỏi Việt Bắc là đi khỏi thời gian khổ, nơi gian khổ, có thể mình quên ta phụ ta. Nhưng mình có nhớ chính mình chăng, có phụ chính mình được chăng? Bởi quên Ta cũng chính là quên Mình đó. Những câu hỏi thâm thúy ân tình như vậy đã giúp Tố Hữu dân gian hoá, truyện thống hoá một vấn đề của cách mạng, vấn đề của hôm nay. Người con trai cũng trả lời, cũng ghi lòng tạc dạ với một tinh thần như thế.

Ta về mình có nhớ ta

Ta về ta nhớ những hoa cùng người

Nhà cao chẳng khuất non xanh

Phố đông càng giục chân nhanh bước đường

Mình đi mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu

Kết cấu đối đáp hài hoà với lối thơ lục bát giàu chất dân gian như thế đã làm cho bài Việt Bắc của Tố Hữu có cái dáng dấp của một bài hát giao duyên được viết theo lối dân gian. Nó làm cho bài thơ gần gũi với tâm hồn quần chúng và dễ dàng gia nhập vào mạch văn hoá dân gian, trở thành những lời hát ru. Thậm chí có thể trình bày bài thơ theo lối diễn xướng dân gian rất thích hợp.

Có lẽ cũng cần phải nói thêm về phong vị cổ điển của nó. Đây là một nét truyền thống khác của thơ Tố Hữu. Trong bài "Kính gửi cụ Nguyễn Du", chúng ta thấy không khí lục bát thật trang trọng. Thi sĩ đã dùng những thi liệu của "Truyện Kiều" để tâm tình với tác giả "Truyện Kiều", ông cũng dùng hình thức lấy Kiều, tập Kiều để làm cho bài thơ có phong vị cổ điển. Còn ở đây không riêng chúng ta đã thấy kết cấu trữ tình của bài thơ, giọng điệu trữ tình của bài có phần nghiêng hẳn về cổ điển. Câu lục bát ở những chỗ ấy thường chặt chẽ không lỏng, chữ "đúc" nhiều, chữ "nước" ít. Hình thức đối được sử dụng dày và biến hoá nhịp nhàng. Nhưng có lẽ đáng nói hơn vẫn là lối vẽ thiên nhiên trong các câu thơ lục bát ấy. Nói riêng đoạn "Hoa cùng người", có thể thấy ngay, thi sĩ tạo hình theo lối xây dựng bộ tranh trữ tình - một hình thức rất phổ biến của nghệ thuật cổ điển. Hoa và người soi chiếu nhau, tôn vinh lẫn nhau. Còn bức tranh đường như đã tái hiện trọn vẹn đầy đủ nhịp vận hành luân chuyển của thiên nhiên và con người Việt Bắc:

Ta về mình có nhớ ta,

.....

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung

Thành công của bài thơ Việt Bắc còn ở nhiều phương diện khác như: ngôn ngữ, nội dung, hình tượng nhân vật trữ tình... Nhưng có thể khẳng định chất dân tộc, chất truyền thống đậm đà đã tạo nên sức sống, sức lay động lòng người cho bài thơ. Và Việt Bắc cùng với những bài thơ khác của Tố Hữu đã khẳng định phong cách độc đáo của ông trong suốt chặng đường cầm bút của người nghệ sĩ cách mạng: từ hiện đại trở về với cổ điển, trở về với nét dân tộc và truyền thống.

Bài văn mẫu 5: Tính dân tộc qua bài thơ Việt Bắc hay nhất

Thơ là cây đàn, muôn điệu của tâm hồn, của nhịp thơ con tim, thơ diễn tả rất thành công mọi cung bậc cảm xúc của con người, niềm vui nỗi buồn sự cô đơn tuyệt vọng.

Có những tâm trạng của con người, chỉ có thể diễn tả bằng thơ. Vì vậy thơ không chỉ nói hộ lòng mình mà nó còn thể hiện sự bận rộn, quyến luyến tình nghĩa keo sơn gắn bó. Bài thơ Việt Bắc chính là một tác phẩm như vậy. Đặc biệt thông qua đoạn trích “Việt Bắc” ta sẽ thấy được tính dân tộc đậm đà thấm đượm qua từng câu, từng chữ.

Quả không sai khi nói rằng với người làm thơ, thơ là một phương tiện quan trọng để biểu đạt cảm xúc, chỉ có cảm xúc chân thật mới có thể tạo nên một tác phẩm văn học chân chính. Vì vậy cảm xúc càng mãnh liệt thăng hoa thơ càng có sức ảnh hưởng trái tim bạn đọc. Vốn là một nhà thơ trữ tình, chính trị xuất sắc, mang trong mình sứ mệnh cao cả của một nhà thơ. Khi sáng tạo nghệ thuật Tố Hữu đã không ngừng tìm tòi, sáng tạo và ông đã khẳng định được vị trí của mình trong nền văn học dân tộc. Các tác phẩm của ông luôn phản ánh chân thực quá trình của cách mạng. Bởi vậy đọc các tác phẩm ấy ta luôn thấy tính dân tộc thấm nhuần trong từng câu, từng chữ tiêu biểu cho sự nghiệp văn chương của Tố Hữu. Có thể kể đến bài thơ Việt Bắc.

Vào tháng 7 năm 1957 hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết, tháng 10 năm 1954 Trung ương Đảng và Chính phủ rời Việt Bắc trở về Hà Nội, những người cán bộ kháng chiến từ miền ngược trở về miền xuôi, nhân sự kiện đó Tố Hữu đã sáng tác lên bài thơ này. Có lẽ đó chính là lý do khiến bài thơ Việt Bắc nói chung và đoạn thơ Việt Bắc nói riêng đậm đà bản sắc dân tộc. Tính dân tộc của tác phẩm không chỉ được thể hiện ở thể thơ lục bát quen thuộc, lối đối đáp “ta”, “mình”, trong ca dao, dân ca mà còn được thể hiện ở những hình ảnh giản dị tình nghĩa thủy chung gắn bó.

Mình về mình có nhớ ta

.....

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.

Đó là buổi chia tay đầy bịn rịn, quyến luyến giữa người dân Việt Bắc và cán bộ miền xuôi, sự nuối tiếc bao trùm toàn bộ khổ thơ “Mười lăm năm ấy” chính là khoảng thời gian đầy khó khăn nhưng vô cùng oanh liệt của dân tộc, gợi nhắc về khoảng thời gian này phải chăng những người dân Việt Bắc muốn nhắc đến khoảng thời gian gắn bó khăng khít, của tình quân dân, lối đối đáp “mình”, “ta” đậm đà tính dân tộc, đã góp phần thể hiện tâm trạng của người đi và kẻ ở. Đó là sự bâng khuâng, bồn chồn nửa muốn đi nhưng lại không nỡ. “Áo chàm” mang ý nghĩa hoán dụ, đây vừa là màu áo quen thuộc của người dân Việt Bắc, vừa dùng để nhắc nhở chỉ về sự son sắt, thủy chung trong giờ phút chia tay. Họ đã gửi gắm tất cả những điều muốn nói qua cái cầm tay thật chặt, đó chính là cái bắt tay thể hiện tình quân dân gắn bó. Đó là một tình cảm cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

Tính dân tộc trong tác phẩm, còn được hiện lên qua những hoài niệm về thiên nhiên và con người. Trong tác phẩm thiên nhiên hiện lên ở những thời điểm khác nhau, hoàn

cảnh khác nhau, có nắng, có mưa, có sương mù. Ở đó có “trăng lên đầu núi, nắng chiếu lưng nương”, tất cả hiện lên như một thước phim quay chậm thật thơ mộng về thiên nhiên Việt Bắc. Chắc hẳn đọc đoạn thơ nhiều người sẽ không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người. Trong hoài niệm của Tố Hữu, là những con người lam lũ, vất vả với những công việc thặm lặng, họ hiện lên với lòng căm thù giặc sâu sắc, “khí kháng Nhật, thù còn Việt Minh” cùng với sự thủy chung đậm đà lòng son sắc với tinh thần lạc quan, “gian nan đời vẫn ca vang núi đèo”.

Hình ảnh của con người còn trở nên đẹp hơn bao giờ hết khi xuất hiện trong sự hòa hợp với thiên nhiên qua bức tranh thiên nhiên bốn mùa.

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

.....

Nhờ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Đã có ý kiến cho rằng đây là đoạn thơ mang đậm tính dân tộc nhất trong tác phẩm, có lẽ đúng bởi đoạn thơ có nhiều hình ảnh đẹp về thiên nhiên và con người với những công việc thặm lặng. Để mở đầu cho bức tranh ấy nhà thơ đã sử dụng câu hỏi tu từ.

“Ta về mình có nhớ ta,

Ta về ta nhớ những hoa cùng người”

Nhà thơ hỏi chỉ để hỏi, hỏi như để biến nó thành cái có để giải bày tâm trạng của mình. Hoa là biểu tượng cho thiên nhiên Việt Bắc, người chính là con người Việt Bắc. Từ “cùng” đã trở thành sợi dây gắn kết giữa hoa và người.

Bức tranh mùa đông đã mở đầu cho bức tranh về bốn mùa, giữa không gian bạt ngàn của rừng già bỗng nổi bật lên hình ảnh “đỏ tươi” của hoa chuối, gợi lên sự ấm áp và lan tỏa cho cả bức tranh nghệ thuật, đã làm cho thiên nhiên không xa lạ mà trở nên thật gần gũi với con người, và trong bức tranh ấy con người hiện lên với tư thế “dao cày thất lưng”, thật khỏe khoắn mạnh mẽ.

Từ định vị về không gian rừng xanh, tác giả chuyển sang định vị về thời gian, “ngày xuân” bức tranh mùa xuân được gợi lên với hình ảnh “mơ nở trắng rừng”, thiên nhiên có sự chuyển đổi đồng loạt qua sự kết hợp giữa danh, động, tính từ, “mơ nở trắng” gợi ra một không gian tinh khiết rộng lớn nhẹ nhàng. Nếu thiên nhiên có sự chuyển đổi đồng loạt thì con người lại hiện lên với tư thế tỉ mỉ, “chuốt từng sợi giang” với nhiều người đó chỉ là một chi tiết nhỏ nhất nhưng với Tố Hữu thì đó lại là một hình ảnh rất đáng nhớ và nó đã in đậm trong tâm trí của ông.

Khác với mùa đông và mùa xuân, bức tranh mùa hè hiện lên với tiếng ve ngân cùng màu sắc của hoa vàng, đặc biệt là động từ “đổ” đã tạo nên hiệu ứng dây chuyền đó là khi ve vừa cất tiếng kêu thì cả rừng hoa đồng loạt chỗi hoa khiến cho không gian trở nên tung bừng, rực rỡ.

Nhà thơ khép lại bức tranh tử bình ấy bằng thiên nhiên và con người vào cảnh ngày thu. Bức tranh thu được hiện lên cả về không gian “rừng thu” và thời gian “trăng rọi”. Ánh trăng rọi xuống xóm làng Việt Bắc có thể hiểu đó là ánh trăng của sự bình yên, nhưng cũng có thể hiểu là niềm tin của con người vào cách mạng, tin rằng nhất định sẽ chiến thắng. Con người được hiện lên qua tiếng hát “Ân tình thủy chung”, tiếng ai không xác định nhưng đó là tiếng hát trong trẻo để ca ngợi nghĩa tình và có lẽ dù có đi đến đâu đi chăng nữa thì những người cán bộ kháng chiến sẽ không thể quên được tiếng hát ấy.

Không chỉ vậy tính dân tộc trong tác phẩm còn được thể hiện khi tác giả viết về những cuộc hành quân hào hùng của dân tộc, cùng vai trò của Cách mạng và chiến khu Việt Bắc.

“Những đường Việt Bắc của ta

Đêm đêm râm rập như là đất rung

Quân đi điệp điệp, trùng trùng,

Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan

Dân công đổ đống từng đoàn

Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”

Với các từ láy “đêm đêm”, “râm rập”, “Điệp điệp”, “trùng trùng” cùng biện pháp phóng đại bước chân “nát đá muôn tàn lửa bay”, “râm rập như là đất rung” đã cho ta thấy được khí thế hào hùng anh dũng của con người Việt Bắc, dẫu biết rằng phía trước còn nhiều gian khổ nhưng họ vẫn sẵn sàng dấn thân, luôn bước về phía trước và họ tin rằng, “dẫu”, “nghìn đêm thăm thẳm, sương dày”, thì “đèn pha bật sáng như ngày mai lên”, đó chính là niềm tin về một tương lai tươi sáng nhất định đất nước sẽ giành thắng lợi. Rồi mai sẽ,

“Tin vui chiến thắng trăm miền

Hòa bình tây bắc Điện Biên vui về,

Vui từ Đông Tháp, An Khê,

Vui lên Việt bắc, đèo de núi Hồng”

Có được chiến thắng ấy chính là nhờ sự đoàn kết của cả dân tộc và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và cụ Hồ. Việt về chiến thắng ấy Tố Hữu như đã thẩn ca gọi về khối đại đoàn kết dân tộc ta.

Không chỉ được thể hiện qua nội dung mà tinh thần dân tộc trong Việt Bắc còn được thể hiện trong hình thức nghệ thuật, với thể thơ lục bát, thuần Việt, sự đối đáp “mình, ta” quen thuộc trong ca dao. Sự đăng đối giữa các vế trong ca dao khiến cho bài thơ dễ nhớ, dễ thuộc đặt biệt với những hình ảnh giản dị, quen thuộc, từ ngữ trong sáng, tất cả đã khiến cho tính dân tộc trở nên đậm đà, nhuần nhuyễn trong từng từ, từng câu của tác phẩm.

Tác phẩm đã khép lại nhưng mỗi lần đọc đoạn trích, ta vẫn như thấy hiện lên một Việt Bắc hào hùng với tình quân dân gắn bó, đậm đà tình dân tộc và thông qua đoạn thơ ta như thấy sự nhắc nhở nhẹ nhàng của Tố Hữu. Hãy sống và cống hiến để cho đất nước trở nên tốt đẹp hơn./.

